

Số: 95/2026/QĐ-CTUBND

Huế, ngày 09 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định Danh mục và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Huế quy định mức chi xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và định mức khoán chi nhiệm vụ xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định danh mục và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định Danh mục và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ

hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ, hoạt động theo chức năng hoặc được giao nhiệm vụ xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Tổng mức chi trong xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

Đơn vị tính: triệu đồng

Loại văn bản	Quyết định ban hành mới/thay thế quyết định	Quyết định sửa đổi, bổ sung từ 02 quyết định trở lên	Quyết định sửa đổi, bổ sung 01 quyết định	Quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ 01 quyết định /các quyết định
Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	100	100	60	30
Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố	30	30	18	9

Điều 4. Danh mục và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

1. Danh mục và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng quyết định ban hành mới hoặc quyết định thay thế quyết định của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này (*sau đây viết tắt là Phụ lục I*).

2. Trường hợp xây dựng quyết định để sửa đổi, bổ sung một số điều của quyết định của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thì áp dụng định mức như sau:

a) Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 quyết định trở lên: Bằng định mức tương ứng quy định tại Phụ lục I.

b) Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 quyết định: Bằng 60% định mức tương ứng quy định tại Phụ lục I.

3. Trường hợp xây dựng quyết định bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ quyết định của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt xây dựng quyết định thì nhiệm vụ đã thực hiện theo đúng quy định trước thời điểm quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt được thanh toán, quyết toán theo sản phẩm là kết quả nhiệm vụ đã thực hiện hoàn thành, tương ứng định mức chi quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm và được tổng hợp chung vào dự toán ngân sách chi thường xuyên hằng năm của cơ quan, đơn vị.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Điều 4 Quyết định này thực hiện theo quy định tại Điều 2 và Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

2. Quy định chuyển tiếp

Các định mức được áp dụng quy định chuyển tiếp tại Điều 30 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. Đối với các nhiệm vụ, hoạt động xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thanh toán, quyết toán thì được thanh toán, quyết toán kinh phí theo định mức khoán chi quy định tại Quyết định này.

3. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật và Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Tư pháp; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; Giám đốc Công an thành phố; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Các Bộ: Tư pháp; Tài chính;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- HĐND, TT.HĐND thành phố;
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND thành phố;
- Chủ tịch và các PCT UBND thành phố;
- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố;
- Công an thành phố;
- Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố;
- Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- VP UBND TP: LĐ và các CV;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, TP.

CHỦ TỊCH



Lê Trí Thanh

Phụ lục I
DANH MỤC VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG
XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN
NHÂN DÂN VÀ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 95/2026/QĐ-CTUBND
ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

(ĐVT: Triệu đồng)

Stt	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi	
			Quyết định của UBND thành phố	Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố
I	Soạn thảo		65	19
1	Đề xuất danh mục; đăng ký xây dựng Quyết định		1,3	0,38
1.1	Đề xuất danh mục; đăng ký xây dựng Quyết định <i>(cơ quan soạn thảo thực hiện)</i>	Dự thảo Tờ trình và Danh mục theo Mẫu số 01/Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BTP	0,8	0,28
1.2	Lập, đề xuất Danh mục; góp ý, hoàn thiện dự thảo Tờ trình đăng ký và Danh mục trình UBND/Chủ tịch UBND thành phố quyết định <i>(Sở Tư pháp thực hiện)</i>	Dự thảo Tờ trình và Danh mục theo Mẫu số 01/Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BTP	0,5	0,1
2	Xây dựng dự thảo Tờ trình	Dự thảo Tờ trình	2,1	0,6
3	Xây dựng dự thảo Quyết định	Dự thảo Quyết định	21	6,1
4	Xây dựng Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Quyết định	Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Quyết định	2,1	0,6
5	Xây dựng Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo Quyết định đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo Quyết định kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan	2,8	Không có nhiệm vụ, hoạt động này
6	Đánh giá việc thi hành pháp luật ở địa phương để xác định nội dung phân cấp và biện pháp chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, phối hợp hoạt động giữa các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quy định tại khoản 3 Điều 21 Luật Ban hành	Bản đánh giá việc thi hành pháp luật ở địa phương để xác định nội dung phân cấp và biện pháp chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, phối hợp hoạt động giữa các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác	Không có nhiệm vụ, hoạt động này	0,8

	văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15	thuộc Ủy ban nhân dân thành phố		
7	Xây dựng bản đánh giá thủ tục hành chính (nếu có)	Bản đánh giá thủ tục hành chính	3	0,74
8	Xây dựng bản đánh giá việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp (nếu có)	Bản đánh giá việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp	2,8	0,74
9	Xây dựng bản đánh giá việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có)	Bản đánh giá việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	2,8	0,74
10	Lấy ý kiến cơ quan Đảng		4	1,5
10.1	Cơ quan Đảng trình xin ý kiến của cơ quan Đảng cấp trên cho ý kiến đối với dự thảo Quyết định	Tờ trình; Hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự thảo Quyết định	1	0,5
10.2	Cơ quan Đảng cho ý kiến đối với dự thảo Quyết định	Văn bản thông báo/kết luận chủ trương của cơ quan Đảng có thẩm quyền/văn bản cho ý kiến của cơ quan Đảng đối với dự thảo Quyết định	3	1
11	Lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo Quyết định; lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác		16,8	5,6
11.1	Lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo Quyết định; lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác	Văn bản góp ý của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo Quyết định hoặc của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác	0,3 (tối đa không quá tổng mức khoán chi 16.800.000 đồng/quyết định)	0,1 (tối đa không quá tổng mức khoán chi 5.600.000 đồng/quyết định)
11.2	Trường hợp văn bản góp ý có nội dung nhất trí	Văn bản góp ý của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo Quyết định hoặc của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác	0,15 (tối đa không quá tổng mức khoán chi 16.800.000 đồng/quyết định)	0,05 (tối đa không quá tổng mức khoán chi 5.600.000 đồng/quyết định)
12	Phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội	Văn bản phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội và tài liệu, hồ sơ có liên quan	2,1	0,6
13	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	1,4	0,2
14	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	Bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	1,4	0,2

15	Báo cáo khả năng cân đối ngân sách địa phương, dự kiến ngân sách chi hàng năm, các nội dung liên quan đến nội dung, mức chi đối với dự thảo Quyết định (<i>Sở Tài chính thực hiện</i>)	Văn bản	1,4	0,2
II	Thẩm định		20	6
1	Tổ chức hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định; Ý kiến thẩm định của các Sở: Nội vụ; Tài chính; Khoa học và Công nghệ		5	2,1
1.1	Tổ chức hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định	Giấy mời; Biên bản họp; văn bản cho ý kiến thẩm định của thành viên trong trường hợp không thể tham gia cuộc họp hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định	2	0,6
1.2	Ý kiến thẩm định của các Sở: Nội vụ; Tài chính; Khoa học và Công nghệ		3	1,5
1.2.1	Ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ trong trường hợp nội dung dự thảo Quyết định có quy định phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn phân cấp và nguồn nhân lực	Văn bản	1	0,5
1.2.2	Ý kiến thẩm định của Sở Tài chính trong trường hợp nội dung dự thảo Quyết định có quy định nguồn tài chính	Văn bản	1	0,5
1.2.3	Ý kiến thẩm định của Sở Khoa học và Công nghệ trong trường hợp nội dung dự thảo Quyết định có quy định ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Văn bản	1	0,5
2	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	15	3,9
III	Thông qua danh mục; đăng tải; cho ý kiến đối với nội dung quy định thủ tục hành chính; tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; lấy ý kiến thành viên, cơ quan Đảng và ký ban hành quyết định		15	5
1	Chủ tịch UBND thành phố thông qua danh mục quy định chi tiết và các nội dung khác được giao hoặc thông qua danh mục đăng ký xây dựng Quyết định	Văn bản của Chủ tịch UBND thành phố thông qua danh mục; hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự thảo Quyết định	2,4	1
2	Thực hiện đăng tải hồ sơ dự thảo Quyết định lên Cổng thông tin điện tử thành phố Huế	Hồ sơ dự thảo Quyết định được đăng trên Cổng thông tin điện tử thành phố Huế	0,15	0,05
3	Tham gia ý kiến đối với nội dung	Văn bản	0,75	0,2

	quy định thủ tục hành chính trong dự thảo Quyết định (<i>cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính thực hiện</i>)			
4	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ dự thảo Quyết định	Báo cáo/Phiếu ý kiến của Văn phòng UBND thành phố đối với hồ sơ dự thảo Quyết định	1,2	0,25
5	Tổ chức lấy ý kiến thành viên UBND, Lãnh đạo UBND thành phố	Văn bản lấy ý kiến thành viên UBND, Lãnh đạo UBND thành phố; Bản tổng hợp ý kiến thành viên; hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự thảo Quyết định	2,1	0,6
6	Thành viên UBND thành phố cho ý kiến đối với dự thảo Quyết định	Ý kiến qua cabinet hoặc văn bản ý kiến của thành viên UBND thành phố	0,3 (<i>tối đa không quá tổng mức khoán chi 5.400.000 đồng/quyết định</i>)	0,1 (<i>tối đa không quá tổng mức khoán chi 1.900.000 đồng/quyết định</i>)
7	Hoàn thiện hồ sơ dự thảo, ký ban hành Quyết định	Quyết định của UBND thành phố; Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố; hồ sơ, tài liệu liên quan đến Quyết định	3	1

Phụ lục II
DANH MỤC VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG
XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH BÀI BỎ QUYẾT ĐỊNH QUY PHẠM PHÁP
LUẬT CỦA UBND VÀ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 95/2026/QĐ-CTUBND
ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

(ĐVT: Triệu đồng)

Stt	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi	
			Quyết định của UBND thành phố	Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố
I	Soạn thảo		18	4,8
1	Đăng ký xây dựng Quyết định	Dự thảo Tờ trình và Danh mục theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BTP	0,9	0,2
2	Xây dựng dự thảo Tờ trình	Dự thảo Tờ trình	0,9	0,2
3	Xây dựng dự thảo Quyết định	Dự thảo Quyết định	7,2	2
4	Xây dựng Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Quyết định	Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Quyết định	0,9	0,2
5	Lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo Quyết định; lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác	Văn bản góp ý của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo Quyết định hoặc của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác	0,1 <i>(tối đa không quá tổng mức khoán chi 5.400.000 đồng/quyết định)</i>	0,05 <i>(tối đa không quá tổng mức khoán chi 1.600.000 đồng/quyết định)</i>
6	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	0,9	0,2
7	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	Bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	0,9	0,2
8	Báo cáo, văn bản khả năng cân đối ngân sách địa phương, dự kiến ngân sách chi hàng năm, các nội dung liên quan đến nội dung, mức chi đối với dự thảo Quyết định <i>(Sở Tài chính thực hiện)</i>	Văn bản	0,9	0,2
II	Thẩm định		6	1,8
1	Tổ chức hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định	Giấy mời; Biên bản họp; văn bản cho ý kiến thẩm định của thành viên trong trường hợp không thể tham gia cuộc họp	1,2	0,36

		hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định		
2	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	4,8	1,44
III	Thông qua danh mục; đăng tải; tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; lấy ý kiến thành viên, cơ quan Đảng và ký ban hành quyết định		6	2,4
1	Chủ tịch UBND thành phố thông qua Danh mục đăng ký xây dựng Quyết định	Văn bản của Chủ tịch UBND thành phố thông qua danh mục; hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự thảo Quyết định	1	0,4
2	Thực hiện đăng tải hồ sơ dự thảo Quyết định lên Cổng thông tin điện tử thành phố Huế	Hồ sơ dự thảo Quyết định được đăng trên Cổng thông tin điện tử thành phố Huế	0,1	0,05
3	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ dự thảo Quyết định	Báo cáo/Phiếu ý kiến của Văn phòng UBND thành phố đối với hồ sơ dự thảo Quyết định	0,5	0,2
4	Tổ chức lấy ý kiến thành viên UBND, Lãnh đạo UBND thành phố	Văn bản lấy ý kiến thành viên UBND, Lãnh đạo UBND thành phố; Bản tổng hợp ý kiến thành viên; hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự thảo Quyết định	1	0,3
5	Thành viên UBND thành phố cho ý kiến đối với dự thảo Quyết định	Ý kiến qua cabinet hoặc văn bản ý kiến của thành viên UBND thành phố	0,1 <i>(tối đa không quá tổng mức khoán chi 1.900.000 đồng/quyết định)</i>	0,05 <i>(tối đa không quá tổng mức khoán chi 950.000 đồng/quyết định)</i>
6	Hoàn thiện hồ sơ dự thảo, ký ban hành Quyết định	Quyết định của UBND thành phố; Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố; hồ sơ, tài liệu liên quan đến Quyết định	1,5	0,5